

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5098/TTr-STC ngày 20/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên

quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KT;
- TTPVHCC: LĐ, các phòng;
- Trung tâm CB&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hà

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH,
BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Danh mục TTHC nội bộ mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết
1.	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2.	Lập Đề án cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3.	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường

2. Danh mục TTHC nội bộ bị bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết
1.	Khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi (đối với Dự án thuộc địa phương quản lý)	Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ	Quản lý công sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

1. Thủ tục: “Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi”

1.1. Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

a. Trình tự thực hiện:

a1) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh.

a2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản.

a3) Sau khi có Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của UBND tỉnh, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có).

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): Bản chính.

Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản; ý kiến của các cơ quan khác (nếu cần): Bản sao.

Danh mục tài sản đề nghị giao theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính.

Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): Bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): Bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của UBND tỉnh.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị giao theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

1.2 Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã

a2) UBND cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản.

a3) Sau khi có Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): Bản chính.

Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh (nếu cần); cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã dự kiến được giao quản lý tài sản; ý kiến của các cơ quan khác (nếu cần): Bản sao.

Danh mục tài sản đề nghị giao theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính.

Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): Bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp xã.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị giao theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 10 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

2. Thủ tục: Lập Đề án cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: Bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản: Bản sao;

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 03A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): Bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): Bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan đơn vị được phân cấp.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu Đề án theo Mẫu số 03A tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 10, Điều

11 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3. Thủ tục: Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

3.1. Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức thu hồi

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản có tài sản thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 23 lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị thu hồi tài sản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản (trong đó: xác định cụ thể việc thu hồi tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này): Bản chính;

Văn bản về việc đề nghị thu hồi tài sản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, văn bản của đại diện chủ sở hữu tài sản của doanh nghiệp quản lý tài sản (sau đây gọi là cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị): Bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bản

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 6 Điều 23 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3.2. Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý hoặc từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản (trong đó xác định cụ thể việc điều chuyển tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): Bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: Bản sao;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của địa phương): Bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với trường hợp điều chuyển tài sản sang Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự kiến tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp điều chuyển tài sản sang địa phương khác): Bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 3 Điều 24 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3.3. Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: Bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản (nếu có): Bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): Bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3.4. Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức thanh lý

3.4.1. Đối với việc thanh lý tài sản theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản (trong đó xác định cụ thể việc thanh lý tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): Bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản: Bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cần được thanh lý, xử lý.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3.4.2. Đối với việc thanh lý tài sản theo hình thức điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác để quản lý, sử dụng

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản (có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: 01 bản sao;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cần được thanh lý, xử lý.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 8 Điều 26 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3.5. Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại): Bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản: Bản sao;

Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: Bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị xử lý theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cần được xử lý.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị xử lý theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 3 Điều 27 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.